

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH CAO HỌC NĂM 2018

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ					
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN	
Ngành Ngôn ngữ Anh																
1	NA065	Nguyễn Thị Ngân	Anh	Nữ	10/05/1995	Bình Dương	7	8	15		51	20	16	87	Đ	
2	NA066	Đàm Lưu Bảo	Châu	Nữ	23/11/1990	Bình Dương	8	7,25	15,25		47	13	16	76	Đ	
3	NA067	Nguyễn Thị Hằng	Hằng	Nữ	28/10/1996	Thanh Hóa	5	7	12	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	
4	NA068	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	12/09/1987	Bình Dương	6	5	11		37	10	17	64	Đ	
5	NA069	Tô Kim	Hồng	Nữ	24/01/1996	Sông Bé	5	6,75	11,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	
6	NA070	Nguyễn Thị Linh	Hương	Nữ	30/5/1986	Đồng Nai	5	5	10		45	15	14	74	Đ	
7	NA071	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	Nữ	01/09/1990	Cà Mau	5,5	6	11,5		35	7	14	56	Đ	
8	NA072	Ngô Thị Yến	Nhi	Nữ	20/07/1992	Bình Dương	5	6	11		44	10	14	68	Đ	
9	NA073	Đoàn Kiều	Như	Nữ	26/10/1996	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v	
10	NA074	Nguyễn Phương Hồng	Phúc	Nữ	19/9/1996	TP.HCM	7	8	15		30	10	15	55	Đ	
11	NA075	Lê Thị Kim	Sang	Nữ	15/10/1978	Bình Dương	5	6	11		32	10	14	56	Đ	
12	NA076	Nguyễn Thị Mộng	Thi	Nữ	1994	Bình Dương	5	5	10		30	10	v	v	v	
13	NA077	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	20/10/1996	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v	
14	NA078	Trịnh Thị	Thư	Nữ	10/6/1990	Thanh Hóa	8,5	7,5	16		42,5	8	15	65,5	Đ	
15	NA079	Lương Mỹ	Trân	Nữ	24/9/1996	Bình Dương	6	7	13		40	17	18	75	Đ	
16	NA080	Phan Thị Lệ	Trinh	Nữ	1995	Bình Dương	5,5	7	12,5	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
17	NA081	Phan Hoàng Diễm	Trúc	Nữ	20/09/1995	Bình Dương	9	7,5	16,5		48	11	15	74	Đ
18	NA204	Cao Thị Thảo	Nguyên	Nữ	22/5/1996	Bình Phước	1	7	8		44	10	13	67	Đ
19	NA207	Phạm Văn Sơn	Khanh	Nam	26/12/1953	Sài Gòn	5	6	11		34	6	13	53	Đ
20	NA209	Nguyễn Đặng Minh	Hoa	Nữ	16/9/1995	Bình Dương	8	6	14	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
Ngành Hệ thống thông tin															
1	HT001	Bùi Nguyên Tuấn	Anh	Nam	14/03/1989	Đồng Nai	v	v	v		v	v	v	v	v
2	HT002	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	26/11/1974	Hậu Giang	5	5,5	10,5		40	15	13	68	Đ
3	HT003	Cao Đức	Bình	Nam	24/10/1994	Lâm Đồng	5,5	6,5	12		38	15	15,5	68,5	Đ
4	HT004	Đỗ Văn	Cường	Nam	20/02/1986	Hải Dương	6,75	5,75	12,5		35	18	10	63	Đ
5	HT005	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	13/08/1995	Bình Dương	7,75	6,5	14,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
6	HT006	Trần Thị Ngọc	Dung	Nữ	30/04/1994	Quảng Nam	5,25	6	11,25		38	11	11	60	Đ
7	HT007	Dương Thị Thúy	Hiền	Nữ	17/06/1984	Bình Dương	7,25	7,5	14,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
8	HT008	Lê Trung	Hiếu	Nam	21/03/1990	Sóc Trăng	6	5,5	11,5		39	13	15	67	Đ
9	HT009	Lê	Huy	Nam	29/05/1986	Quảng Bình	8,5	7,75	16,25		42	19	18	79	Đ
10	HT010	Hoàng Nguyễn Quốc	Huy	Nam	29/11/1991	TP HCM	5	6,25	11,25		43	11	17	71	Đ
11	HT011	Nguyễn Minh	Lợi	Nam	07/02/1980	Tây Ninh	5,5	5,5	11	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
12	HT012	Trần Huỳnh Nhật	Nam	Nam	09/11/1992	Bình Dương	8,25	5,25	13,5		42	14	11	67	Đ
13	HT013	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	21/02/1992	Bình Dương	8	5	13	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
14	HT014	Đỗ Thị Thủy	Phương	Nữ	01/06/1985	Đồng Nai	5,75	6,25	12		41	13	17	71	Đ
15	HT015	Mai Nhật	Tân	Nam	09/07/1990	Bình Dương	7	5	12		42	19	10	71	Đ

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
16	HT016	Võ Quốc	Thông	Nam	02/12/1983	Bình Dương	7,75	5,25	13		40	19	14	73	Đ
17	HT017	Lê Minh	Tiến	Nam	22/07/1991	Bình Dương	6,5	5,5	12		41	20	13	74	Đ
18	HT018	Võ Minh	Tiến	Nam	22/10/1988	Bình Dương	6,25	5	11,25		45	18	10	73	Đ
19	HT019	Nguyễn Luân Thanh	Trúc	Nam	20/10/1986	Bình Dương	6,5	8,5	15		36	15	14	65	Đ
20	HT211	Phạm Anh	Dũng	Nam	02/12/1986	Đồng Tháp	6	5	11		43	19	12	74	Đ
21	HT212	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	Nữ	18/01/1990	Bình Dương	6,25	5	11,25		41	14	15	70	Đ
22	HT213	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	07/12/1990	Thanh Hóa	5	5,25	10,25		43	20	17	80	Đ
Ngành Lịch sử Việt Nam															
1	LS046	Vũ Thị	Duyên	Nữ	10/02/1982	Hải Dương	7,5	9	16,5		46	20	10	76	Đ
2	LS047	Phan Thị Minh	Hân	Nữ	22/10/1982	Bình Dương	7	6,75	13,75		48	20	13	81	Đ
3	LS048	Trần Trọng	Hiếu	Nam	02/4/1995	Tiền Giang	8	6,5	14,5		48	20	11	79	Đ
4	LS049	Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	20/5/1992	Bình Dương	5	5,75	10,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
5	LS050	Hà Quốc	Phòng	Nam	06/5/1996	Bình Định	v	v	v		v	v	v	v	v
6	LS051	Trần Trung	Thiện	Nam	12/11/1994	Bình Dương	6	5,5	11,5	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
7	LS052	Hà Ngọc	Thịnh	Nam	24/02/1996	Tây Ninh	8	6,5	14,5		46	20	10	76	Đ
8	LS053	Nguyễn Văn	Thọ	Nam	20/02/1992	Bình Định	8,5	5,5	14		41	20	10	71	Đ
9	LS054	Trần Đức	Thuận	Nam	02/9/1987	Nghệ An	8,5	8	16,5		46	20	12	78	Đ
10	LS199	Lê Bá	Cường	Nam	11/01/1994	Sông Bé	6	5	11	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
11	LS208	Lê Tiến	Hải	Nam	24/7/1978	Nghệ An	5	6	11		31	17	11	59	Đ
12	LS214	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	30/8/1993	Tây Ninh	5	5	10		35	16	10	61	Đ

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
13	LS215	Nguyễn Quốc	Triệu	Nam	27/4/1996	Sông Bé	5	5	10		33	18	14	65	Đ
Ngành Văn học Việt Nam															
1	VH178	Phạm Ngọc Trường	An	Nữ	15/02/1992	Bình Dương	5	6,5	11,5		31	15	10	56	Đ
2	VH179	Nguyễn Thị Bình	An	Nữ	05/09/1995	Sông Bé	8	5,5	13,5	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
3	VH180	Lê Thúy	An	Nữ	17/09/1996	Tây Ninh	7,5	6,5	14	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
4	VH181	Hoàng Thị	Giang	Nữ	01/12/1979	Ninh Bình	5,5	5,5	11		30	15	10	55	Đ
5	VH182	Hoàng Thị	Hà	Nữ	03/11/1993	Thanh Hóa	5,5	6,5	12		23	4	10	37	KĐ
6	VH183	Dương Bích	Hạnh	Nữ	15/10/1980	Sông Bé	5	6,25	11,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
7	VH184	Dương Ngọc Minh	Khánh	Nữ	06/10/1995	Sông Bé	5	7,25	12,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
8	VH185	Lê Sĩ	Nghị	Nam	05/10/1984	Sông Bé	8	6	14		35	18	11	64	Đ
9	VH186	Lê Văn	Nhiệm	Nam	20/6/1979	Bình Định	8	6,5	14,5		36	16	10	62	Đ
10	VH187	Trương Nguyễn Cát	Phượng	Nữ	11/11/1995	Bình Dương	v	v	v	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
11	VH188	Bùi Văn	Thành	Nam	10/05/1978	Thái Bình	6	6	12		33	16	10	59	Đ
12	VH189	Nguyễn Văn	Tường	Nam	01/04/1974	Thừa Thiên Huế	8	6,75	14,75		51	18	18	87	Đ
Ngành Quản lý giáo dục															
1	QG082	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	05/03/1985	Bình Dương	8,5	6,75	15,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
2	QG083	Nguyễn Phạm Ngọc	Bích	Nữ	19/10/1995	Sông Bé	7	5,25	12,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
3	QG084	Quách Thị Bích	Châu	Nữ	05/7/1972	Sài Gòn	7,5	5	12,5		46	20	11	77	Đ
4	QG085	Trần Thị Phương	Chi	Nữ	04/5/1988	Bình Trị Thiên	7	6	13		46	18	13	77	Đ
5	QG086	Cư A	Dinh	Nam	03/3/1990	Lào Cai	8	5	13	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
										Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
6	QG087	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	20/11/1996	Bình Dương	8	5	13	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
7	QG088	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	05/12/1977	Bình Dương	8	6	14		44	18	12	74	Đ
8	QG089	Nguyễn Thy Hạ	Nữ	27/01/1995	TP.HCM	7,5	5	12,5	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
9	QG090	Võ Thị thúy Hằng	Nữ	29/10/1987	Bình Dương	8,5	6,25	14,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
10	QG091	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	23/10/1976	Hải Dương	7,5	5	12,5	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
11	QG092	Nguyễn Hữu Hào	Nam	21/9/1980	Ninh Thuận	8	5	13	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
12	QG093	Trần Thị Kim Hoàn	Nữ	06/02/1983	Thái Nguyên	7,5	5,25	12,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
13	QG094	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nữ	29/3/1992	Bình Dương	8	5,25	13,25		42	20	10	72	Đ
14	QG095	Vũ Thị Kim Huệ	Nữ	05/6/1973	Bình Dương	7	5,15	12,15	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
15	QG096	Trần Thùy Linh	Nữ	11/6/1994	Bình Dương	7,5	5,25	12,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
16	QG200	Vũ Thị Phượng	Nữ	10/05/1987	Hưng Yên	8	5	13		30	20	10	60	Đ
17	QG097	Bùi Thị Thanh Loan	Nữ	10/01/1979	Bình Dương	8	5	13		53	20	16	89	Đ
18	QG098	Trần Văn Mạnh	Nam	10/7/1982	Thanh Hóa	5	5	10		41	18	13	72	Đ
19	QG099	Bùi Thị Mí	Nữ	07/9/1981	Bình Dương	6,25	5	11,25		34	19	12	65	Đ
20	QG100	Nguyễn Bình Phương Nga	Nữ	26/01/1977	Bình Dương	5,75	5	10,75		46	18	16	80	Đ
21	QG101	Bùi Hồng Ngọc	Nữ	25/9/1993	Bình Dương	5,5	5,4	10,9	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
22	QG102	Lê Thị Oanh	Nữ	28/9/1988	Thanh Hóa	5,25	5	10,25		39	18	14	71	Đ
23	QG103	Phạm Châu Thiên Phúc	Nữ	31/12/1993	TP.HCM	8	5,15	13,15		44	16	19	79	Đ
24	QG104	Phan Nguyễn Thúy Phượng	Nữ	01/9/1990	Bình Dương	7,5	5,75	13,25		v	v	v	v	v
25	QG105	Trần Kim Thanh	Nữ	26/01/1985	Bình Dương	7	5	12	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
26	QG106	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	05/7/1996	Bình Dương	8	5	13	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
27	QG107	Trần Thị Thu	Thuận	Nữ	19/4/1991	Sông Bé	8,5	5	13,5		48	20	14	82	Đ
28	QG108	Huỳnh Văn	Tĩnh	Nam	20/7/1979	Ninh Thuận	6,75	5	11,75		43	18	12	73	Đ
29	QG109	Trần Hồng	Trang	Nữ	05/9/1989	TP.HCM	8,25	5	13,25		45	17	14	76	Đ
30	QG110	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	20/9/1996	Bình Dương	9	5	14	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
31	QG111	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	16/4/1995	Hải Phòng	8	5,25	13,25		41	15	13	69	Đ
32	QG112	Lê Thanh	Trinh	Nam	23/9/1979	Bình Dương	8	5	13		35	18	12	65	Đ
33	QG113	Nguyễn Thành	Trung	Nam	26/10/1978	Tây Ninh	7,25	5	12,25		37	11	12	60	Đ
34	QG114	Trần Hồng	Vân	Nữ	14/7/1996	Bình Dương	8	5,25	13,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
35	QG205	Đoàn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/8/1996	Bình Dương	v	v	v	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
36	QG206	Lê Trần Thúy	Vy	Nữ	09/8/1988	Lâm Đồng	8	5	13	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
Ngành Kế toán															
1	KT020	Nguyễn Thanh	Bằng	Nam	07/01/1985	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v
2	KT021	Võ Thanh	Châu	Nữ	29/10/1987	Bình Dương	9,75	6,5	16,25		42	18	10	70	Đ
3	KT022	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	04/10/1985	Bình Dương	5,25	5,75	11		39	18	10	67	Đ
4	KT023	Đỗ Anh	Duy	Nam	26/11/1996	TP.HCM	6	5,25	11,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
5	KT024	Ngô Thị Mỹ	Duyên	Nữ	11/03/1995	Bình Dương	7,25	8	15,25		40	19	10	69	Đ
6	KT025	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	29/7/1992	Bình Dương	7,25	7,75	15		40	20	10	70	Đ
7	KT026	Lê Thị	Hằng	Nữ	27/8/1985	Bình Dương	7,75	6,75	14,5		37	12	16	65	Đ
8	KT027	Nguyễn Đăng	Hoan	Nam	29/03/1996	Bình Dương	7,25	6,75	14		39	14	11	64	Đ

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
9	KT028	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	12/5/1984	Hải Dương	v	v	v		v	v	v	v	v
10	KT029	Huỳnh Thanh	Huy	Nam	30/8/1976	Bình Dương	6,25	7	13,25		44	18	10	72	Đ
11	KT030	Huỳnh Thúy	Kiều	Nữ	20/11/1984	Bình Dương	9,25	8	17,25		46	20	10	76	Đ
12	KT031	Nguyễn Thị Kim	Linh	Nữ	20/4/1984	Bình Dương	7	9,5	16,5		55	20	17	92	Đ
13	KT032	Nguyễn Thị	Lời	Nữ	1984	Bình Dương	5	6,25	11,25		50	20	10	80	Đ
14	KT033	Đoàn Thị Thanh	Nga	Nữ	21/04/1976	Bình Định	6,5	7,25	13,75		34	16	16	66	Đ
15	KT034	Hoàng Ánh	Nguyệt	Nữ	12/5/1988	Đồng Nai	7	5	12		51	20	19	90	Đ
16	KT035	Lê Thế	Phương	Nam	09/8/1995	Bình Dương	10	7,5	17,5		45	16	16	77	Đ
17	KT036	Vũ Minh	Phương	Nam	29/01/1985	Hà Nam	7,75	8	15,75		48	20	10	78	Đ
18	KT037	Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	11/9/1978	Bình Dương	10	9,25	19,25		50	20	10	80	Đ
19	KT038	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	25/01/1985	Bình Dương	9,5	8	17,5		45	20	11	76	Đ
20	KT039	Mã Hồng Phương	Thảo	Nữ	31/01/1995	Bình Dương	v	v	v	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
21	KT040	Huỳnh Thanh	Thúy	Nữ	14/10/1981	Bình Dương	10	9,75	19,75		45	20	12	77	Đ
22	KT041	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	12/7/1987	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v
23	KT042	Huỳnh Ngọc Quế	Trang	Nữ	27/4/1993	Bình Dương	8,75	8,75	17,5		46	16	10	72	Đ
24	KT043	Hà Thanh	Tùng	Nam	07/3/1992	Thái Bình	8	7,75	15,75		45	13	12	70	Đ
25	KT044	Phạm Thị Bích	Tuyền	Nữ	29/11/1984	Bình Dương	1	6,25	7,25		30	17	10	57	Đ
26	KT045	Bùi Thị Kim	Xuân	Nữ	21/10/1974	Thanh Hóa	v	v	v		v	v	V	v	v
27	KT201	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	22/9/1979	Thái Bình	v	v	v		v	v	v	v	v
Ngành Quản trị kinh doanh															

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
1	QT115	Dương Thị Hoàng	Anh	Nữ	14/10/1993	TP.HCM	v	v	v		v	v	v	v	v
2	QT116	Nguyễn Hà Phương	Anh	Nữ	27/03/1982	Bình Dương	7	7,5	14,5		40	18	13	71	Đ
3	QT117	Nguyễn Nhật	Anh	Nam	12/10/1983	Thái Nguyên	8,75	7,25	16		46	19	16	81	Đ
4	QT118	Bùi Duy	Bằng	Nam	19/05/1993	Vĩnh Phúc	6,75	6	12,75		37	18	12	67	Đ
5	QT119	Nguyễn Thị	Bằng	Nữ	13/06/1986	Bình Dương	0,5	6,25	6,75		42	18	14	74	Đ
6	QT120	Phạm Quốc	Bình	Nam	22/08/1989	Bình Phước	v	v	v		v	v	v	v	v
7	QT121	Võ Thị Anh	Đào	Nữ	10/03/1989	Bình Dương	9	7,75	16,75		45	20	16	81	Đ
8	QT122	Mai Thanh	Điền	Nam	25/04/1994	Bình Dương	7	7	14	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
9	QT123	Đoàn Hữu	Đồng	Nam	13/9/1991	Bình Dương	2,5	5,5	8		42	17	16	75	Đ
10	QT124	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	04/04/1988	Nghệ An	7	7	14		43	20	15	78	Đ
11	QT125	Bùi Tấn	Dũng	Nam	02/07/1991	Quảng Ngãi	8,5	6	14,5		38	17	16	71	Đ
12	QT126	Hồ Thanh	Duy	Nam	02/11/1989	Bình Dương	9,5	8,75	18,25		49	20	13	82	Đ
13	QT127	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	15/05/1984	Bình Dương	8,5	10	18,5		49	20	12	81	Đ
14	QT128	Lê Tấn	Hải	Nam	23/03/1987	TT - Huế	9,25	9,75	19		47	20	13	80	Đ
15	QT129	Thiều Thị Ngọc	Hân	Nữ	24/07/1991	Long An	9,25	9,75	19	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
16	QT130	Lâm Ngọc	Hằng	Nữ	29/09/1994	Bình Phước	8,5	8	16,5		43	20	12	75	Đ
17	QT131	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	23/02/1993	Bình Dương	7,25	8,25	15,5		51	20	10	81	Đ
18	QT132	Dương Quốc	Hoàng	Nam	27/07/1981	Tây Ninh	7,75	7,5	15,25		50	20	10	80	Đ
19	QT133	Trần Quốc	Hưng	Nam	15/02/1992	Bình Dương	8,75	8,5	17,25		49	20	13	82	Đ
20	QT134	Bùi Như	Huỳnh	Nữ	17/10/1995	Sông Bé	8	7	15		41	20	15	76	Đ

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
21	QT135	Đặng Ngọc	Lệ	Nữ	01/09/1993	Kiên Giang	7,75	7,75	15,5		44	20	10	74	Đ
22	QT136	Bồ Thị Ngọc	Linh	Nữ	12/5/1990	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v
23	QT137	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	29/01/1990	TPHCM	8,5	7,5	16		46	20	13	79	Đ
24	QT138	Thái Thành	Lợi	Nam	28/04/1993	Bình Dương	8	6	14	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
25	QT139	Nguyễn Ngọc Trường	Long	Nam	14/10/1983	Bình Long	7,5	7,25	14,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
26	QT140	Cao Nguyễn Bảo	Long	Nam	04/09/1994	Bình Dương	9	8,25	17,25		33	12	14	59	Đ
27	QT141	Võ Thị	Mai	Nữ	30/04/1990	Thanh Hóa	9,5	9,25	18,75		42	20	12	74	Đ
28	QT142	Đặng Thị Bích	Ngọc	Nữ	21/09/1993	Phú Yên	6	5,75	11,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
29	QT143	Nguyễn Đặng Thanh	Nhật	Nam	07/03/1995	Bình Dương	8	8,5	16,5		40	16	11	67	Đ
30	QT144	Nguyễn Hoàng Tú	Nhi	Nữ	07/08/1996	Bình Dương	8	5,75	13,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
31	QT145	Nguyễn Ngọc	Như	Nữ	27/01/1995	Sông Bé	8,5	7,5	16		46	20	15	81	Đ
32	QT146	Lê Hoàng Xuân	Oanh	Nữ	03/07/1993	Bình Dương	7,5	6,25	13,75		41	16	12	69	Đ
33	QT147	Phạm Thị Ngọc	Phi	Nữ	06/05/1988	Bình Phước	v	v	v		v	v	v	v	v
34	QT148	Lý Tú	Phụng	Nữ	02/12/1976	Tân Thới	v	v	v		v	v	v	v	v
35	QT149	Huỳnh Thanh	Phương	Nam	27/08/1990	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v
36	QT150	Nguyễn Đoàn	Phương	Nam	09/01/1992	Bình Dương	7	6	13	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
37	QT151	Lê Thanh	Phương	Nam	18/09/1987	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v
38	QT152	Nguyễn Thị Nhật	Quý	Nữ	10/04/1985	Đồng Nai	9	6	15	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
39	QT153	Trương Tấn	Sang	Nam	27/11/1994	Tiền Giang	9	6	15	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
40	QT154	Võ Xuân	Sơn	Nam	13/09/1991	Hòa Bình	5	6	11		34	18	11	63	Đ

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
41	QT155	Nguyễn Phước	Tài	Nam	10/11/1994	Sông Bé	7	6	13	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
42	QT156	Đỗ Trần Bình	Tân	Nữ	16/06/1988	Đồng Nai	8	7,5	15,5	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
43	QT157	Trương Cao	Thạch	Nam	12/02/1980	Bình Định	7,75	6,75	14,5		42	20	10	72	Đ
44	QT158	Hồ Chí	Thắng	Nam	19/05/1994	Bình Dương	1,75	2	3,75		30	15	10	55	Đ
45	QT159	Đỗ Ngọc	Thắng	Nam	25/12/1988	Bình Dương	6	7,25	13,25		45	12	11	68	Đ
46	QT160	Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	14/08/1984	Sông Bé	8,75	8,5	17,25		39	20	10	69	Đ
47	QT161	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	01/08/1993	Phú Yên	10	8	18		44	20	14	78	Đ
48	QT162	Nguyễn Hòa	Thuận	Nam	06/06/1996	Sông Bé	5	6,25	11,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
49	QT163	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	Nữ	12/02/1994	Bình Dương	2,5	7,5	10		30	11	13	54	Đ
50	QT164	Lê Phúc	Tiến	Nam	01/01/1990	Bình Dương	7	7,75	14,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
51	QT165	Lê Thanh	Tịnh	Nam	18/10/1992	TP.HCM	6,25	7	13,25		41	19	12	72	Đ
52	QT166	Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	25/05/1989	Bình Dương	7,5	5,75	13,25		43	14	12	69	Đ
53	QT167	Bùi Thị Hiền	Trâm	Nữ	24/12/1994	Sông Bé	8	6	14	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
54	QT168	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	15/04/1988	Bình Dương	8,25	9	17,25		46	14	14	74	Đ
55	QT169	Lại Minh	Trí	Nam	27/04/1993	TP. HCM	6,75	7,5	14,25		43	13	13	69	Đ
56	QT170	Nguyễn Minh	Trí	Nam	21/02/1988	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v
57	QT171	Lê Thanh	Triết	Nam	25/11/1985	Bình Dương	v	v	v	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
58	QT172	Tạ Đức	Tú	Nam	27/02/1994	Bình Phước	7	9,25	16,25		48	19	16	83	Đ
59	QT173	Trần Anh	Tùng	Nam	10/01/1984	Đồng Nai	7,25	7	14,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
60	QT174	Đặng Vi	Vân	Nữ	29/04/1989	Đồng Nai	v	v	v		v	v	v	v	v

Stt	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
											Điểm (đọc viết)	Điểm (nghe hiểu)	Điểm (nói)	Tổng điểm	Kết quả NN
61	QT175	Đỗ Hữu	Vinh	Nam	05/08/1985	Bình Dương	v	v	v		v	v	v	v	v
62	QT176	Lê Thanh	Vũ	Nam	06/07/1995	Bình Dương	2	6,75	8,75		31	14	10	55	Đ
63	QT177	Nguyễn Văn	Xuân	Nam	24/04/1988	Đồng Nai	8,25	8	16,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
64	QT210	Nguyễn Tấn	Duy	Nam	20/12/1992	Bình Dương	6,5	6	12,5		32	16	12	60	Đ
Ngành Công tác xã hội															
1	XH190	Nguyễn Trần Trâm	Anh	Nữ	25/09/1996	Bình Dương	v	v	v	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
2	XH191	Nguyễn Thị	Điểm	Nữ	27/06/1996	Tây Ninh	5	7,5	12,5		46	11	12	69	Đ
3	XH192	Dương Như	Hào	Nữ	05/08/1995	Tây Ninh	5	8,5	13,5		46	10	15	71	Đ
4	XH193	Trần Thị Ngọc	Lài	Nữ	28/07/1981	Quảng Ngãi	7	9	16		42	17	12	71	Đ
5	XH194	Quách Mạnh	Minh	Nam	31/07/1984	Bình Dương	8	7,5	15,5		47	18	10	75	Đ
6	XH195	Nguyễn Lê	Minh	Nam	11/12/1983	Bình Dương	5	7,5	12,5		48	20	10	78	Đ
7	XH196	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	Nữ	31/03/1994	Đồng Nai	v	v	v		v	v	v	v	v
8	XH197	Hoàng Vĩnh	Quang	Nam	15/04/1983	Hà Tĩnh	8	9	17		37	17	12,5	66,5	Đ
9	XH198	Thái Thị Thảo	Uyên	Nữ	22/03/1988	Bình Dương	5	8,5	13,5		39	14	15	68	Đ
Ngành Khoa học môi trường															
1	MT055	Huỳnh Hải	Đăng	Nam	17/09/1996	Bình Dương	5,5	7,25	12,75	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
2	MT056	Trương Minh	Hùng	Nam	12/1966	TP.HCM	5,75	6,5	12,25		46	17	10	73	Đ
3	MT057	Mai Thanh	Hùng	Nam	04/7/1989	Bình Phước	9	7,5	16,5		33	16	12	61	Đ
4	MT058	Ngô Văn	Nhân	Nam	11/6/1989	Bình Dương	8	8	16		36	16	10	62	Đ
5	MT059	Hồ Thị Thanh	Phượng	Nữ	05/4/1995	Bình Dương	8,25	7	15,25		37	20	11	68	Đ

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (M1+M2)	Miễn NN	Điểm Ngoại ngữ				
										Điểm	Điểm	Điểm	Tổng	Kết quả
										(đọc viết)	(nghe hiểu)	(nói)	điểm	NN
6	MT060	Lê Thành Quý	Nam	04/11/1995	Đồng Nai	6,5	7,5	14		38	14	10	62	Đ
7	MT061	Nguyễn Triệu Hoàng Quyên	Nữ	23/04/1995	Bình Dương	8,5	8,75	17,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
8	MT062	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	25/03/1995	Bình Dương	10	8	18		35	18	12	65	Đ
9	MT063	Phạm Đạt Thịnh	Nam	10/6/1992	Bình Dương	6,75	8,5	15,25		45	20	12	77	Đ
10	MT064	Chế Thị Tú Xương	Nữ	19/5/1994	Bình Dương	9,5	8	17,5		43	20	12	75	Đ
11	MT202	Võ Minh Nhựt	Nam	20/04/1995	Bình Dương	7	8,25	15,25	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN
12	MT203	Nguyễn Thành Lâm	Nam	23/10/1995	Bình Dương	7	9,5	16,5	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN	Miễn NN

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Ngô Hồng Diệp